

QUYẾT ĐỊNH

V/v giảm tiền thuê đất năm 2012 (đợt 2) theo Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất trong năm 2011 và năm 2012 đối với một số tổ chức kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 83/2012/TT-BTC ngày 23/5/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc miễn, giảm, gia hạn một số khoản thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh tại Tờ trình số 747/TTr-CT ngày 10/4/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách các tổ chức kinh tế được giảm tiền thuê đất năm 2012 (đợt 2) theo quy định tại Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ gồm 18 tổ chức với số tiền thuê đất được giảm là: **3.882.121.104 đồng** (Ba tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, một trăm hai mươi một ngàn, một trăm lẻ bốn đồng). Chi tiết như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Cục trưởng Cục Thuế tỉnh thực hiện việc giảm tiền thuê đất cho các tổ chức tại Điều 1 theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các tổ

chức có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Hồ Quốc Dũng;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K4, K7, K17. *gk*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Dũng

Phụ lục
GIẢM TIỀN THUẾ ĐẤT THEO QUYẾT ĐỊNH 2093/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 13/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ (Đợt 2)
(Kèm theo Quyết định số 946 /QĐ-UBND ngày 15 /4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	NGƯỜI NỘP THUẾ	Số hiệu hợp đồng thuê đất	Diện tích đất thuê	Đơn giá thuê đất		Tiền thuê đất ghi thu		Tiền thuê đất được giảm năm 2012 (đồng)
				Cũ (2010)	Mới (2012)	Cũ (2010)	Mới (2012)	
	TỔNG CỘNG							3.882.121.104
1	Cty TNHH TM Ánh Việt	34-98/HĐ-TĐ	22.683,00	7.000	29.700	158.781.000	673.685.100	474.422.600
	Cty TNHH TM Ánh Việt	171-2000/HĐ-TĐ	7.535,00	7.000	29.700	52.745.000	223.789.500	
2	Cty TNHH Lam Sơn	477/QĐ-UBND 7705/QĐ-UBND	767,13	42.250	138.240	32.411.243	106.048.051	53.024.026
3	Cty CP Khách sạn Hoàng Yến	90/2006/HĐ-TĐ	4.679,00	51.000	207.360	238.629.000	970.237.440	492.979.440
4	Xí nghiệp Than Quy Nhơn	49/2007/HĐ-TĐ	9.034,70	9.600	29.700	86.733.120	268.330.590	134.165.295
5	Truyền tải điện Bình Định - Quảng Ngãi	770/QĐ-UBND	535,50	24.800	77.760	13.280.400	41.640.480	20.820.240
6	Cty CP Nhựa bao bì Nhơn Thành	142/2006/HĐ-TĐ	3.701,20	19.250	43.065	71.248.100	159.392.178	79.696.089
7	Cty CP TM Hoàn Cầu	4932/QĐ-UBND	26.018,09	60.002	181.440	1.561.134.000	4.720.722.250	2.360.361.125
8	Cty TNHH TM DV Minh Phước	393/QĐ-CTUB	18.661,00	2.625	8.910	48.985.125	166.269.510	83.134.755
9	Cty TNHH MTV Ngân hàng No&PTNT Việt Nam chi nhánh Bình Định	61-98/HĐ-TĐ	4.705,50	8.399	20.880	39.522.000	98.250.840	49.125.420
10	Cty CP sách và thiết bị Bình Định	07-1996/HĐ-TĐ	80,00	9.750	20.400	780.000	1.632.000	816.000
11	Bưu điện Khu vực I Bưu điện tỉnh Bình Định	185-2000/HĐ-TĐ	1.300,00	420	1.680	546.000	2.184.000	1.092.000
	Bưu điện Khu vực II - Bưu điện tỉnh Bình Định (Cảng Rang)	115-99/HĐ-TĐ	336,85	1.200	2.760	404.220	929.706	464.922
	Bưu điện khu vực II Bưu điện tỉnh Bình Định (Chợ Gành)	114-99/HĐ-TĐ	224,40	2.400	6.960	538.560	1.561.824	780.912
	Bưu điện Khu vực II - Bưu điện tỉnh Bình Định (Chợ Gồm)	103-99-HĐ-TĐ	334,00	4.200	12.000	1.402.800	4.008.000	2.004.000
12	HTX Nông nghiệp Cát Chánh	04/2006/HĐ-TĐ	450,00	1.800	5.520	810.000	2.484.000	621.000
13	DNTN Thương mại Tiến Anh	105/2006/HĐ-TĐ	1.794,00	1.750	5.500	3.139.500	9.867.000	4.933.500
14	Cty CP XNK nông sản Hà Việt	66/2008/HĐ-TĐ	18.880,00	840	2.720	15.859.200	51.353.600	25.676.800
15	Công ty cổ phần gạch Tuy Nén Mỹ Quang	151/2000/HĐ-TĐ	34.059,00	400	1.265	13.623.600	43.084.635	21.542.317
16	Công ty Xăng Dầu Bình Định	2002/QĐ-UBND	250,00	4.800	9.600	1.200.000	2.400.000	1.200.000
	Công ty Xăng Dầu Bình Định	469/QĐ-CTUB	300,00	4.800	9.600	1.440.000	2.880.000	1.440.000
	Công ty Xăng Dầu Bình Định	2127/QĐ-CTUB	3.589,20	3.840	8.280	13.782.528	29.718.576	14.859.288
17	Công ty Điện lực Bình Định	83-2004/HĐ-TĐ	1.000,00	2.000	6.325	2.000.000	6.325.000	3.162.500

Số TT	NGƯỜI NỘP THUẾ	Số hiệu hợp đồng thuê đất	Diện tích đất thuê	Đơn giá thuê đất		Tiền thuê đất ghi thu		Tiền thuê đất được giảm năm 2012 (đồng)
				Cũ (2010)	Mới (2012)	Cũ (2010)	Mới (2012)	
18	Cty TNHH Dịch vụ tư vấn Dương Minh	460/QĐ-UBND	1.989,00	12.000	40.500	23.868.000	80.554.500	20.138.625
	Cty TNHH Dịch vụ tư vấn Dương Minh	646/QĐ-CTUB	3.522,00	17.360	40.500	61.141.920	142.641.000	35.660.250

rg